

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HSST
Ngày 04 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HÓA
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Đăng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Trí**
2. Ông **Bùi Thanh Bình**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Văn Hân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hùng Tâm** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện thọ xuân; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số: 24/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/QĐXXST-HS ngày 13/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/HSST-QĐHPT ngày 26/5/2020.

Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn S** - Sinh năm 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn V - xã H - huyện T - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Lê Văn T g và bà Trần Thị Q .

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3. Vợ: Lê Thị H , có 04 con.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Lê Như K** Sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T - xã H - huyện X - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Lê Như H và bà: Lê Thị B (bố mẹ đều đã chết).

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2. Vợ: Nguyễn Thị Q , có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Lê Như K - Sinh năm 1970.

Quê quán: xã H - huyện T - tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 5A, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12.

Con ông: Lê Văn K (đã chết) và bà: Trịnh Thị B

Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 6. Vợ: Vũ Thị T , có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: Vũ Văn T - Sinh năm 1980.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H - xã T - huyện X - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Vũ Văn M (đã chết) và bà: Lê Thị C .

Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 5. Vợ: Lê Thị M , có 03 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội cưỡng đoạt tài sản (đã chấp hành xong năm 1998).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Lê Xuân M - Sinh năm 1974.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H – huyện T - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông: Lê Xuân O và bà: Lê Thị M (đã chết).

Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 6; vợ: Lê Thị Hồng, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 08 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản (đã chấp hành xong năm 1995).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: **Lê Văn T** - Sinh năm 1980.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H - huyện T - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12.

Con ông: Lê Văn K và bà: Nguyễn Thị P.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị M, có 03 con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: **Lê Ngọc L** - Sinh năm 1988.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H - huyện T - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12.

Con ông: Lê Ngọc C và bà: Lê Thị D.

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Lê Thị T, có 02 con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 26/5/2020 bị bắt tạm giam đến ngày 04/6/2020.

8. Họ và tên: **Lê Văn C** - Sinh năm 1954.

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H - huyện T - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/10.

Con ông: Lê Văn K (đã chết) và bà: Lê Thị B .

Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 3. Vợ: Lê Thị T, có 03 con.

Tiền án, Tiền sự: không; là thương binh hạng 4/4, Là Đảng viên Đảng CS Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C : Ông Trịnh Đình H** - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 03/02/2020, Lê Văn T ở thôn T, xã H đến nhà ông Lê Văn C ở cùng thôn chơi, được ít phút thì có Lê Như K, Lê Văn S và Vũ Văn T đến, tiếp đó có Lê Như K đến rồi sau đó cả bọn rủ nhau đánh bạc. S lại nói với ông C “Bác cho anh em cháu chơi vui một tý, tức đánh bài ăn tiền” thì ông C đồng ý, sau đó T, K, T, K, S ngồi xuống chiếu cói do gia đình ông C đã trải sẵn từ trước và có một bộ bài đang để tại chiếu. Lúc này T nói đánh “Liêng” thì cả bọn đồng ý và thống nhất mỗi ván người chơi phải đặt cửa ít nhất 10.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng nếu có ván “chào” thì cao nhất mỗi người chơi được đánh đến 400.000 đồng, cứ mỗi ván mỗi “chào” thì cắt ra 10.000 đồng để cho ông C (chủ nhà).

Cách đánh và tính thắng thua: Dùng bộ bài tứ lơ khơ 52 cây chia cho mỗi người 03 cây, cách tính điểm A tính 01 điểm, cây 2 là 02 điểm... cây 9 là 09 điểm... còn lại các cây 10, J, Q, K không được tính điểm. Mỗi người chơi sau khi được chia bài thì tự cộng điểm lại nếu số điểm là 10, 20, 30 là nhỏ nhất, còn cao nhất là 9 điểm (ví dụ A, 9 J = 10 điểm; 9, Q, K = 9 điểm); Liêng được tính là 03 lá bài có thứ tự gần nhau (Ví dụ 123, 234... 9, 10, J, Q, K) trong đó liền A, 2, 3 là thấp nhất... còn Q, K, A là cao nhất, Sáp được tính là 03 cây cùng số, loại trong đó 2, 2, 2 là thấp nhất còn A, A, A là cao nhất., nếu ai có 03 cây bài trong đó có các cây hình người như J, J, Q... thì được gọi là “đĩ”. Trong đánh liêng thì điểm là thấp nhất, sau đó đến đĩ, sáp là cao nhất để tính thắng thua với nhau.

Sau khi thống nhất cách chơi thì các bị can bắt đầu đánh bạc ăn tiền. Quá trình chơi do K đã lấy 01 hộp nhựa (dạng hộp đựng kẹo) ở ngay gần đó để ra chiếu cho mọi người nếu có ván “chào” thì cắt ra 10.000 đồng bỏ vào, mục đích cho ông đánh được khoảng 30 phút thì ông C lại bàn ngồi và lấy điện thoại gọi cho Lê Xuân M ở cùng thôn đến chơi, M đến ngồi uống nước với ông C ít phút thì tham gia đánh bạc luôn. Đánh được khoảng 30 phút thì có Lê Ngọc L (người cùng thôn) đến chơi và tham gia đánh bạc cùng các đối tượng trên. Trong khi đang đánh bạc thì bà T vợ ông C đi chơi về và đến phòng khách ngồi xem tivi, lúc này T có vợ đến gọi về nên T không chơi nữa và ra về luôn, sau đó ít phút lần lượt L, K (con ông C) đi chơi về đến khoảng 22 giờ 05 phút cùng ngày thì bị Công an Thọ Xuân phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền đánh bạc là 2.180.000 đ và 220.000 đ để trong hộp nhựa; thu giữ tiền liên quan đến việc đánh bạc trong người K 2.500.000 đ, K 2.620.000 đ, S 10.090.000 đ, trong đó có 2.590.000 đồng S sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ, một số điện thoại trong người các con bạc, tiền và điện thoại của người có mặt tại nơi đánh bạc, Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa các đối tượng về Công an huyện Thọ Xuân giải quyết.

Các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng vào việc đánh bạc - cụ thể: trước khi đánh bạc K có 2.500.000đ, khi bị bắt có 2.620.000đ, T có 1.200.000 đ khi bị bắt Công an Thu luôn tại chiếu không rõ bao nhiêu, S có 700.000đ, khi bị bắt có 2.590.000 đ ngoài ra Theo S khai còn đem theo 7.500.000 đồng ở ví trong túi quần

để trả nợ do bố nhờ nhưng chưa trả được và không dùng vào việc đánh bạc. L có 40.000 đ sau đó vay thêm K và K mỗi người 100.000 đ nhưng đã trả cho K 100.000đ, T có 500.000 đ nhưng đã thua hết và ra về trước, M có khoảng 700.000 đ khi bị bắt bị thu luôn dưới chiếu nên không rõ bao nhiêu, K có 2.300.000đ, theo K khai sử dụng vào việc đánh bạc 300.000 đồng còn 2.000.000đ là tiền do bà T gửi đem hộ vào nam cho con, tuy nhiên khi bị bắt thu trong người K có tổng số tiền là 2.500.000đ, K không chứng minh được việc này.

Về vật chứng vụ án: 02 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 hộp nhựa, tiền ngân hàng nhà nước Việt nam 17.640.000 đồng. Hiện số vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo quy định của pháp luật.

Đối với số điện thoại thu giữa của các bị can, người liên quan tại nơi đánh bạc và số tiền 6.200.000 đồng của anh L đã được trả lại cho họ đầy đủ vì không liên quan đến việc phạm tội.

Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS ngày 27/4/2020, Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Vũ Văn T, Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C về tội: “**Đánh Bạc**” Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ Luật Hình sự .

Trong phần luận tội, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyền công tố, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Lê Như K, Lê Văn T và Lê Văn C để xử phạt:

- Các bị cáo Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng;
- Các bị cáo Lê Văn T và Lê Ngọc L từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng;
- Bị cáo Lê Văn C từ 07 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Vũ Văn T và Lê Xuân M BLHS để xử phạt Vũ Văn T từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng; và Lê Xuân M từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng;

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS để phạt bổ sung đối với các bị cáo: Lê Văn S; Lê Như K, Lê Như Kh, mỗi bị cáo từ 13.000.000đ đến 15.000.000đ; Vũ Văn T từ 11.000.000đ đến 13.000.000đ; Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L, mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ và Lê Văn C từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ;

Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đề nghị hội đồng xét xử tuyên tịch thu số tiền 10.140.000 đồng là vật chứng để sung vào ngân sách nhà nước; trả lại số tiền

7.500.000đ cho bị cáo S và tuyên tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 hộp nhựa là vật chứng trong vụ án.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý vắng mặt nhưng gửi văn bản bào chữa cho bị cáo Lê Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 và Điều 58 BLHS để phạt mức án nhẹ nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo Lê Văn C thống nhất với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo, của người bào chữa và của những người tham gia tố tụng khác.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: Lê Văn S; Lê Như K, Lê Như Kh, Vũ Văn T, Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C đều thành khẩn nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, các biên bản người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ được và phù hợp với lời khai của những người làm chứng khác. Trong phần tranh luận các bị cáo đều chấp nhận với lời luận tội của viện kiểm sát và đều thừa nhận có tội đúng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Tổng số tiền bị lực lượng công an Thọ Xuân thu tại chiếu bạc là 10.140.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền tham gia đánh bạc như sau: trước khi đánh bạc K có 2.500.000đ, khi bị bắt có 2.620.000đ, bị cáo T có 1.200.000đ khi bị bắt Công an Thu luôn tại chiếu không rõ bao nhiêu, L có 40.000đ sau đó vay thêm Kh và K mỗi người 100.000đ nhưng đã trả cho Kh 100.000đ, T có 500.000đ nhưng đã thua hết và ra về trước, M có khoảng 700.000đ khi bị bắt bị thu luôn dưới chiếu nên không rõ bao nhiêu, Kh có 2.300.000đ, theo Kh khai sử dụng vào việc đánh bạc 300.000 đồng còn 2.000.000đ là tiền do bà T gửi đem hộ vào nam cho con, tuy nhiên khi bị bắt thu trong người Kh có tổng số tiền là 2.500.000đ, Kh không chứng minh được việc này để đánh bạc. Bị cáo S có 700.000đ, khi bị bắt thu 2.590.000 đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định, ngoài số tiền đánh bạc bị bắt trên ra bị cáo S còn đem theo 7.500.000 đồng ở ví trong túi quần do bố nhờ đi trả nợ nhưng chưa trả được và không dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền mà các đối tượng dùng vào mục đích đánh bạc bị lực lượng công an thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo và được Hội đồng xét xử xác định số tiền đánh bạc trong vụ án là

10.140.000đ. (mười triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Lê Văn C là chủ nhà đã cho các bị cáo sử dụng nhà mình để đánh bạc, mặc dù không có mục đích thu tiền hồ nhưng hành vi của bị cáo đã giúp sức để các bị cáo khác thực hiện phạm tội nên bị cáo C là đồng phạm trong vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận các bị cáo: Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Vũ Văn T, Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C đã phạm tội “**đánh bạc**” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng. Các bị cáo đều cố ý thực hiện tội phạm và nhằm mục đích lợi nhuận được, thua bằng tiền, sát phạt lẫn nhau bằng hình thức chơi đánh bạc trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo dễ dẫn đến các hậu quả xấu như tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò, vị trí và trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Lê Văn S, Lê Như K và Lê Như Kh phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Vì bị cáo có số tiền đánh bạc nhiều nhất và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm.

Bị cáo Vũ Văn T được xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án, vì là người có số tiền đánh bạc nhiều thứ hai sau nhóm ba bị cáo trên trong vụ án. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm.

Các bị cáo Lê Xuân M, Lê Văn T và Lê Ngọc L được xếp ở vị trí thứ ba trong vụ án, do có hành vi phạm tội tương đương nhau.

Tuy vậy phải căn cứ vào số tiền đánh bạc của người phạm tội để phân hóa trách nhiệm hình sự và để áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

Bị cáo Lê Văn C được xếp ở vị trí sau cùng trong vụ án, vì bị cáo là chủ nhà đã cho các bị cáo sử dụng nhà mình để đánh bạc, mặc dù không có mục đích thu tiền hồ nhưng hành vi của bị cáo đã giúp sức để các bị cáo khác thực hiện phạm tội nên bị cáo C là đồng phạm trong vụ án.

[5] Xét về nhân thân, lý lịch các bị cáo và hướng xử lý đối với các bị cáo: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C đều lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình khai báo thành khẩn. Nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Vũ Văn T và Lê Xuân M khai báo thành khẩn, bị cáo Miến và bị cáo T sau khi phạm tội ra đầu thú; bị cáo T và K có Bồ đề đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo C là thương binh nên các bị cáo Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Như K và Lê Văn C được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. xét về nhân thân: Đối với bị cáo T: Năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội cưỡng

đoạt tài sản (đã chấp hành xong năm 1998). Đối với bị cáo M: Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 08 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản (đã chấp hành xong năm 1995). Quá trình chấp hành án xong đến nay không vi phạm pháp luật. Bị cáo Lê Ngọc L hiện đang bị bắt tạm giam do không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa bị cáo khai do bị ốm nên đi lấy thuốc chứ không cố ý không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy lời nại của bị cáo L là có căn cứ và được chấp nhận.

Xét thấy các bị cáo đều không có tiền án tiền sự, đều có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, mỗi bị cáo đều có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ; số tiền tham gia đánh bạc ít nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội; áp dụng khoản 4 Điều 328 BLTTHS trả tự do cho bị cáo L ngay sau khi tuyên án.

[6] Xử lý vật chứng của vụ án:

02 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 hộp nhựa, tiền ngân hàng nhà nước Việt nam 17.640.000 đồng. Hiện số vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo quy định của pháp luật.

Xét thấy số vật chứng trên có Số tiền 10.140.000đ thu trên chiếu bạc và thu trên người các đối tượng đánh bạc là tiền đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền 7.500.000đ của Lê Văn S, Hội đồng xét xử xác định là tiền Bồi bị cáo nhờ đi trả nợ không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo S. Số vật chứng còn lại gồm 02 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 hộp nhựa, các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Vũ Văn T, Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C phạm tội “**Đánh bạc**”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C; Áp dụng thêm: Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Lê Như K, Lê Văn T và Lê Văn C;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Vũ Văn Thắng, Lê Xuân Miến;

Xử phạt:

1- Bị cáo Lê Văn S 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Lê Như K 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo Lê Như Kh 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bị cáo Vũ Văn T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

5. Bị cáo Lê Xuân M 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Bị cáo Lê Văn T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Bị cáo Lê Ngọc L 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 4 Điều 328 BLTTHS trả tự do cho bị cáo L ngay sau khi tuyên án.

8. Bị cáo Lê Văn Căn 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Như K, Vũ Văn T, Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Lê Như Kh cho UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của Bản án này.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS;

Phạt bổ sung đối với các bị cáo:

1. Lê Văn S 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
2. Lê Như K 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
3. Lê Như Kh 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
4. Vũ Văn Tg 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).
5. Lê Xuân M 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).
6. Lê Văn T 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).
7. Lê Ngọc L 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
8. Lê Văn C 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Số tiền trên các bị cáo phải nộp sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự để sung vào ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, d khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.140.000đ thu trên chiếu bạc và số tiền thu trên người các đối tượng đánh bạc để sung vào ngân sách nhà nước.
- Trả lại cho bị cáo Lê Văn S số tiền 7.500.000đ;
- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 hộp nhựa đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên và tài sản trả lại hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo Biên bản về việc giao vật chứng, tài sản số: 34 ngày 28/ 4/2020.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 21/3/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Lê Văn S, Lê Như K, Lê Như Kh, Vũ Văn T, Lê Xuân M, Lê Văn T, Lê Ngọc L và Lê Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND
- THA dân sự;
- Phòng Kiểm tra án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đăng Tuấn